

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 03 - 08 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

01
C
AU
HU
9

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	2.584.640.902	6.067.753.799
+ Tiền mặt	1.440.296.545	231.996.591
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.144.344.357	5.835.757.208
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	2.584.640.902	6.067.753.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	27.946.342.382	-	16.583.593.550	-
<i>b. Dài hạn</i>	38.000.000	-	38.000.000	-
- Kỳ quỹ, ký cược dài hạn	38.000.000	-	38.000.000	-
Cộng	27.984.342.382	-	16.621.593.550	-

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	-	-	1.370.900.000	-
Cộng	-	-	1.370.900.000	-

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.159.480.000</i>	<i>127.845.510</i>	<i>2.287.325.510</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.159.480.000</i>	<i>127.845.510</i>	<i>2.287.325.510</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>505.816.817</i>	<i>73.629.010</i>	<i>579.445.827</i>
- Khấu hao trong năm	269.934.996	19.023.336	288.958.332
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Số dư cuối năm</i>	775.751.813	92.652.346	868.404.159
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	1.653.663.183	54.216.500	1.707.879.683
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.383.728.187	35.193.164	1.418.921.351

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 70.775.510 đồng.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.159.480.000 đồng và 1.383.728.187 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thăng Long.

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Tổng thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.070.579.927	-	-	7.070.579.927
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gắn liền cho bất động sản tương tự và năm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí sửa chữa văn phòng
- Công cụ dụng cụ xuất dùng
- Các khoản khác

b. Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	422.818.182	445.870.573
	342.000.000	342.000.000
	-	99.098.300
	80.818.182	-
	-	4.772.273
	-	-
	422.818.182	445.870.573

11/11/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Vay và nợ thuê tài chính						
a. Vay ngắn hạn	-	-	3.228.400.000	2.028.400.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Vay ngân hàng	-	-	3.228.400.000	2.028.400.000	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ^(a)	-	-	3.228.400.000	2.028.400.000	1.200.000.000	1.200.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.085.100.000	1.085.100.000	-	351.600.000	733.500.000	733.500.000
b.1 Vay dài hạn	1.085.100.000	1.085.100.000	-	351.600.000	733.500.000	733.500.000
Từ 1 năm đến 5 năm	1.085.100.000	1.085.100.000	-	351.600.000	733.500.000	733.500.000
- Vay ngân hàng	1.085.100.000	1.085.100.000	-	351.600.000	733.500.000	733.500.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ^(b)	1.085.100.000	1.085.100.000	-	351.600.000	733.500.000	733.500.000
Cộng	1.085.100.000	1.085.100.000	3.228.400.000	2.380.000.000	1.933.500.000	1.933.500.000

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán	Giá trị	Nợ quá hạn thanh toán
11. Phải trả người bán				
a. Phải trả người bán ngắn hạn	26.451.560.063	26.451.560.063	31.953.936.963	31.953.936.963
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	26.451.560.063	26.451.560.063	31.953.936.963	31.953.936.963

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	240.146.512	-	-	-	240.146.512
- Thuế thu nhập cá nhân	-	41.135.255	72.946.216	102.550.557	-	11.530.914
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	91.799.456	4.000.000	4.000.000	-	91.799.456

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	-	373.081.223	76.946.216	106.550.557	-	343.476.882
-------------	----------	--------------------	-------------------	--------------------	----------	--------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.295.440.413	7.180.811.298
- Kinh phí công đoàn	155.421.421	155.741.318
- Bảo hiểm xã hội	22.514.850	-
- Bảo hiểm y tế	4.052.675	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.251.487	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.615.200.000	2.622.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.495.999.980	4.402.869.980
+ Phải trả tiền thu của khách hàng từ dự án Ao Sào	800.000.000	1.600.000.000
+ Thủ lao HĐQT và BKS	675.256.980	721.256.980
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát		1.060.870.000
+ Ông Nguyễn Bá Tuấn		-
+ Bà Đỗ Thị Tâm	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Phải trả khác	20.743.000	20.743.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.295.440.413	7.180.811.298

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(7.212.525.416)	52.010.947.288
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	(5.013.515.976)	(5.013.515.976)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	55.120.000.000	4.103.472.704	(12.226.041.392)	46.997.431.312
Số dư đầu năm nay	55.120.000.000	4.103.472.704	(12.226.041.392)	46.997.431.312
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	(9.016.881.930)	(9.016.881.930)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	55.120.000.000	4.103.472.704	(21.242.923.322)	37.980.549.382

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100
Cộng	55.120.000.000	100	55.120.000.000	100

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 306.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2018 là: 55.120.000.000 đồng

Vốn điều lệ góp thiếu là: 250.880.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.103.472.704	4.103.472.704
Cộng	4.103.472.704	4.103.472.704

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	14.328.990.912	8.918.518.181
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.793.930.909	8.183.531.000
Cộng	22.122.921.821	17.102.049.181

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.899.709.090	8.481.978.682
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.496.088.818	7.923.565.600
Cộng	21.395.797.908	16.405.544.282

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.775.132	3.643.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi bán các khoản đầu tư	-	10.759.611.311
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.180.000	2.800.000
Cộng	94.955.132	10.766.055.256
04. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	142.072.582	173.077.554
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	99.128.275
Cộng	142.072.582	272.205.829
05. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.745.633.894
- Các khoản khác	925.735	-
Cộng	925.735	1.745.633.894
06. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.584.428
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh trong các năm trước điều chỉnh giảm	-	4.293.699.603
- Các khoản bị phạt	283.362	525.863.959
Cộng	283.362	4.823.147.990
07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>9.684.480.766</i>	<i>12.693.952.049</i>
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>13.050.000</i>	<i>70.461.818</i>
Cộng	9.697.530.766	12.764.413.867
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.016.881.930)	(5.013.515.976)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.016.881.930)	(5.013.515.976)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.512.000	5.512.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.636)	(910)
09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:		
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.016.881.930)	(5.013.515.976)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.016.881.930)	(5.013.515.976)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	5.512.000	5.512.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.636)	(910)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	2.127.425.331	1.012.116.135
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.958.332	94.666.771
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.137.807.666	13.443.186.616
- Chi phí khác bằng tiền	1.265.028.255	101.409.945
- Chi phí dự phòng	4.374.400.000	6.036.600.000
Cộng	<u>17.193.619.584</u>	<u>14.651.379.467</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

Người lập biểu



Nguyễn Hương Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Huyền

Hà Nội, ngày... tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh